

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2009

THÔNG TƯ

**Về việc bổ sung Quyết định 106/2007/QĐ-BTC ngày 20/12/2007
và các Quyết định sửa đổi bổ sung của Bộ trưởng Bộ Tài chính
về thuế suất thuế nhập khẩu thép xây dựng**

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/09/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài Chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng thép xây dựng như sau:

Điều 1. Thuế suất thuế nhập khẩu thép xây dựng.

Điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thép hợp kim thuộc nhóm 72.27, 72.28, 72.29 quy định tại Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC ngày 20/12/2007 về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và các Quyết định sửa đổi, bổ sung của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng đối với các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 20/4/2009./.

**KT. BỘTRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đỗ Hoàng Anh Tuấn**



**THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG
T, THÉP TRONG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**
(Áp dụng theo Thông tư số 75/2009/TT-BTC ngày 13/4/2009 của Bộ Tài chính)

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
72.27				Các dạng thanh và que thép hợp kim khác, được cán nóng, dạng cuộn không đều.	
7227	10	00	00	- Bảng thép gió	0
7227	20	00	00	- Bảng thép mangan - silic	0
7227	90	00	00	- Loại khác	10
72.28				Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn, hình bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim.	
7228	10			- Ở dạng thanh và que, bằng thép gió:	
7228	10	10	00	-- Có mặt cắt ngang hình tròn	0
7228	10	90	00	-- Loại khác	0
7228	20			- Ở dạng thanh và que, bằng thép silic-mangan:	
7228	20	10	00	-- Có mặt cắt ngang hình tròn	0
7228	20	90	00	-- Loại khác	0
7228	30			- Dạng thanh và que khác, không gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn:	
7228	30	10	00	-- Có mặt cắt ngang hình tròn	10
7228	30	90	00	-- Loại khác	10
7228	40			- Các loại thanh và que khác, không gia công quá mức rèn:	
7228	40	10	00	-- Có mặt cắt ngang hình tròn	10
7228	40	90	00	-- Loại khác	10
7228	50			- Các loại thanh và que khác, không gia công quá mức cán nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	
7228	50	10	00	-- Có mặt cắt ngang hình tròn	0
7228	50	90	00	-- Loại khác	0
7228	60			- Các loại thanh và que khác:	
7228	60	10	00	-- Có mặt cắt ngang hình tròn	0
7228	60	90	00	-- Loại khác	0
7228	70	00	00	- Các dạng góc, khuôn và hình	800
7228	80			- Thanh và que rỗng:	
				- Có hàm lượng carbon từ 0,6% trở lên tính theo trọng lượng:	
7228	80	11	00	--- Có mặt cắt ngang hình tròn	0
7228	80	19	00	--- Loại khác	0
7228	80	90	00	-- Loại khác	0